

Số:

Biên Hòa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2023 của Phòng Kinh tế.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

Căn cứ Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 04/08/2023 của UBND thành phố Biên Hòa về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 của Phòng Kinh tế (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó trưởng phòng, Kế toán và các tổ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế hoạch;
- Phòng Văn hóa và Thông tin (công khai);
- Lưu :VT.(Hà)

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Duyên

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN
SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-PKT ngày 12/10/2023 của Phòng Kinh tế)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
2	Phí				
	Phí thẩm định	73.595.000	101.350.000	137,71	0,96
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	25.400.000	22.900.000	90,16	1,00
	Phí thẩm định lĩnh vực an toàn thực phẩm	48.195.000	77.350.000	160,49	0,93
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại		1.100.000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	46.436.500	66.585.000	143,39	95,88
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	12.700.000	11.450.000	90,16	100,00
	Phí thẩm định lĩnh vực an toàn thực phẩm	33.736.500	54.145.000	160,49	93,36
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại		990.000		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí	27.158.500	34.765.000	128,01	95,76
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	12.700.000	11.450.000	90,16	100,00

	Phí thẩm định lĩnh vực an toàn thực phẩm	14.458.500	23.205.000	160,49	93,36
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại		110.000		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.813.759.396	1.675.259.308		
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.813.759.396	1.675.259.308		
1	Chi quản lý hành chính	2.232.900.000	1.367.130.874	61,23	95,23
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.146.500.000	1.367.130.874	63,69	102,17
	- Thanh toán cá nhân, hoạt động thường xuyên	2.146.500.000	1.367.130.874	63,69	102,17
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	86.400.000		-	-
	Phần mềm QLVB				
2	Chi hoạt động kinh tế	2.580.859.396	308.128.434		
2.1	Sự nghiệp Nông nghiệp	1.043.170.000	22.599.800	2,17	
	<i>KP sự nghiệp</i>	1.043.170.000	22.599.800	2,17	45,72
2.2	Sự nghiệp Lâm nghiệp	486.000.000	152.437.639	31,37	111,30
	<i>KP sự nghiệp</i>	486.000.000	152.437.639	31,37	111,30
2.3	Sự nghiệp Công thương	405.000.000	18.020.000	4,45	375,42
	<i>KP sự nghiệp</i>	405.000.000	18.020.000	4,45	375,42
2.4	Sự nghiệp Thủy lợi	349.000.000	115.070.995	32,97	83,57
	<i>KP sự nghiệp</i>	349.000.000	115.070.995	32,97	83,57
2.5	Sự nghiệp Y tế	297.689.396	50.799.675	17,06	1,22
	<i>KP sự nghiệp</i>	297.689.396	50.799.675	17,06	1,22
II	Nguồn vốn viện trợ	-			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-			